

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **250/2019/HS-PT**

Ngày: 16-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Ông Trương Công Thi

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Tấn Trường

Ông Nguyễn Thanh Long

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Xuân Ân** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 112/2018/TLPT-HS ngày 08 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo: Đặng Nguyễn Bảo T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 77/2017/HS-ST ngày 23/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

ĐẶNG NGUYỄN BẢO T, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1978 tại Bình Định.

Nơi đăng ký HKTT: thành phố P, tỉnh Gia Lai; chỗ ở hiện nay: thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Đặng C và bà Nguyễn Thị Thanh N (đã chết); có vợ tên Châu Thị Mai T và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt từ ngày 24/3/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam T20 công an tỉnh Gia Lai; Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo

Ông **Ngô Đức N** - Luật sư của Văn phòng Luật sư N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai. Địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai; có mặt.

Nguyên đơn dân sự: Ngân hàng Thương mại cổ phần B Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Quang H - Phó Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp 2; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Đặng Nguyễn Tố T**; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia lai; có mặt.
2. Ông **Đặng C**; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai; có mặt.
3. Bà **Mai Thị C**; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai; có mặt
4. Chị **Châu Thị Mai T1**; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai; vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.
5. Chị **Lê Thị H**; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
6. Chị **Hoàng Thị Bích H1**; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
7. Anh **Trần Quốc A**; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
8. Anh **Phạm Xuân L**; địa chỉ; tỉnh Gia Lai; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
9. Chị **Nguyễn Thị Ngọc T2**; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
10. Chị **Trần Thị Thu H2**; địa chỉ: tỉnh Gia Lai; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
11. Anh **Thái Ngọc P**; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.
12. Anh **Trảo An Q**; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
13. Anh **Nguyễn Thanh H**; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
14. Ông **Nguyễn Văn T4**; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
15. Anh **Nguyễn Quang H3**; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai; có mặt.
16. Anh **Cao Văn C1**; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.
17. Chị **Đặng Thị T3**; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
18. Chị **Dương Thùy L**; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
19. Chị **Huỳnh Thị Đ**; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
20. Chị **Nguyễn Thị P**; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

21. Anh **Cao Bá H4**; địa chỉ: tỉnh Nghệ An; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2007, Đặng Nguyễn Bảo T thành lập Công TNHH MTV H, có trụ sở tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai, chuyên kinh doanh: Mua bán gỗ hộp, gỗ xẻ. Trong quá trình làm ăn, do cần vốn để kinh doanh, Đặng Nguyễn Bảo T đã thế chấp tài sản, vay vốn tại Ngân hàng B chi nhánh tỉnh Gia Lai (gọi tắt là X), T đã thế chấp 04 lô đất và nhà tại xã A và phường H để vay tiền ngân hàng.

Đến năm 2011, tình hình kinh doanh của Công ty H gặp nhiều khó khăn, kinh doanh thua lỗ nên không có tiền trả lương cho công nhân và các khoản lãi vay trước đó nên Đặng Nguyễn Bảo T đã nảy sinh ý định làm giả Giấy đăng ký xe ô tô để làm hồ sơ thế chấp vay tiền ngân hàng. Từ năm 2012 đến năm 2017, theo Đặng Nguyễn Bảo T khai: T đã liên hệ với đối tượng VS (người Cam Pu Chia, không rõ nhân thân, lai lịch), là người nhận làm hồ sơ giấy tờ mua bán gỗ cho T tại Lào, để đặt làm giả Giấy đăng ký và biển số xe ô tô. Từ năm 2012 đến năm 2016, T đã đặt VS làm 06 bộ Giấy đăng ký xe ô tô giả và 06 cặp biển số xe ô tô giả, T cung cấp thông tin chủ sở hữu, thông tin xe ô tô để VS làm các Giấy đăng ký xe ô tô giả với giá 4.000.000 đồng/ bộ (gồm Giấy đăng ký xe ô tô giả và cặp Biển số trước, sau giả), còn cụ thể VS sử dụng phương tiện, cách thức gì để làm giả thì bị can T không biết, tổng cộng T đã đưa VS số tiền 24.000.000 đồng, sau mỗi lần làm giả thì VS gửi giấy tờ và Biển số xe ô tô giả sang Việt Nam cho T, địa điểm nhận hàng tại thành phố Hồ Chí Minh.

Cũng theo T khai: Sau từng lần nhận Giấy đăng ký xe ô tô và Biển số xe ô tô giả, Đặng Nguyễn Bảo T đã mượn xe ô tô của bạn bè ở Lào (những xe mà T đã mượn để cung cấp thông tin làm giả), điều khiển từ Lào về Việt Nam, gắn Biển số giả, rồi sử dụng Giấy đăng ký xe ô tô giả phù hợp với các xe ô tô để thế chấp, vay vốn tại Ngân hàng B chi nhánh tỉnh Gia Lai. Để đáp ứng yêu cầu về thủ tục thế chấp tài sản tại Ngân hàng B chi nhánh Gia Lai là xe ô tô phải có bảo hiểm vật chất, bị can T đã mua bảo hiểm xe ô tô của các Công ty bảo hiểm trên địa bàn tỉnh Gia Lai, sau đó photocopy các Giấy chứng nhận bảo hiểm để nộp cho Ngân hàng B chi nhánh Gia Lai nhằm hợp thức hóa thủ tục thế chấp xe ô tô, rồi trả các Giấy chứng nhận bảo hiểm gốc lại cho các Công ty bảo hiểm mà không thanh toán tiền đã mua bảo hiểm như ghi nhận tại Hợp đồng bảo hiểm (sau đó Hợp đồng này đã bị hủy).

Cụ thể, Đặng Nguyễn Bảo T đã ký Hợp đồng thế chấp các xe ô tô theo Giấy đăng ký xe ô tô giả và Biển số xe ô tô giả như sau:

1. GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ, số 013936, ghi tên chủ xe: Công ty TNHH H, địa chỉ: 22 S, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Biển số đăng ký: 81A - 061.37, nhãn hiệu TOYOTA, số loại Camry LE, số khung 4T1PPC46K07U, số máy 2AZ8867938, cấp ngày 28/5/2014.

2. Giấy ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ, số 013965, ghi tên chủ xe: Đặng Nguyễn

Bảo T, SN: 1978; địa chỉ: 22 S, thành phố P, tỉnh Gia Lai; số CMND: 230505625; Biển số đăng ký: 81A - 034.37, nhãn hiệu TOYOTA, xe loại CAMRY LE, số khung 2AZ-9032135, số máy 4T1BE46K98U-231019, cấp ngày 06/7/2011.

3. Giấy CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ, số 008735, ghi tên chủ xe: Đặng Nguyễn Bảo T; địa chỉ: 22 S, thành phố P, Gia Lai; Biển số đăng ký: 81A 054.22, nhãn hiệu TOYOTA, xe loại RAV4BASE, số khung 385096786, số máy 040177, cấp ngày 17/3/2014.

4. Giấy CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ, số 004651, ghi tên chủ xe: Đặng Nguyễn Bảo T; địa chỉ: 22 S, thành phố P, Gia Lai; Biển số đăng ký: 81A - 073.78, nhãn hiệu TOYOTA, số khung 245961, số máy M125025, cấp ngày 21/3/2015.

5. Giấy CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ, số 038010, ghi tên chủ xe: Đặng Nguyễn Bảo T; địa chỉ: 22 S, thành phố P, Gia Lai; Biển số đăng ký: 81A - 118.36, nhãn hiệu BMW, xe loại X6, số khung G83599LZ92855, số máy 20344407N63B44A, cấp ngày 18/01/2017.

6. Giấy CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ, số 016053, ghi tên chủ xe: Công ty TNHH H; địa chỉ: 22 S, Tp. P, Gia Lai; Biển số đăng ký: 81A - 107.12, nhãn hiệu LEXUS, xe loại LS460, số khung 31428C041139, số máy 1UR0051238, cấp ngày 10/8/2016.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai đã thu giữ 05 (Năm) Giấy đăng ký xe ô tô nêu trên (bản gốc). Đối với Giấy CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ, số 013936, ghi tên chủ xe: Công ty TNHH H, địa chỉ: 22 S, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Biển số đăng ký: 81A - 061.37, nhãn hiệu TOYOTA, số loại Camry LE, số khung 4T1PPC46K07U, số máy 2AZ8867938, cấp ngày 28/5/2014, bị cáo T đã thực hiện các thủ tục rút bớt tài sản thế chấp, nhận lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả này từ Ngân hàng B chi nhánh tỉnh Gia Lai và đã tiêu hủy Giấy cùng với cặp Biển số giả vào khoảng tháng 02/2017.

Cơ quan điều tra đã tra cứu thông tin đăng ký xe ô tô theo hệ thống quản lý xe ô tô của Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh, kết quả toàn bộ các thông tin về chủ sở hữu, nhãn hiệu, số loại, số khung, số máy của 06 (sáu) xe ô tô có Giấy đăng ký xe và Biển số nêu trên đều không đúng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai đã trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh giám định chữ ký, còn dấu, phôi tại 05 (Năm) Giấy đăng ký xe ô tô nêu trên. Kết luận giám định số 134/KLGĐ ngày 12/4/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai xác định: Toàn bộ 05 (Năm) Giấy đăng ký xe ô tô nêu trên đều là giả.

Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với đại diện Ngân hàng B chi nhánh tỉnh Gia Lai và những người có liên quan, kết quả xác định: Trong quá trình vay vốn từ năm 2007 đến nay (10 năm), Công ty TNHH MTV H luôn thực hiện việc trả nợ gốc và lãi vay đầy đủ, đúng hạn, thực hiện đúng các cam kết với Ngân hàng và tạo được uy tín trong suốt thời gian quan hệ. Tình hình quan hệ tín dụng

thể hiện như sau:

+ Doanh số cho vay trong 10 năm	: 47.250 triệu đồng
+ Doanh số thu nợ gốc trong 10 năm	: 39.705 triệu đồng
+ Dư nợ (số tiền vay) gốc còn lại	: 7.545 triệu đồng
+ Số tiền lãi đã thu	: 2.711 triệu đồng

- Công ty TNHH MTV H liên tục được xếp hạng tín dụng nội bộ loại A theo chương trình Xếp hạng tín dụng nội bộ của X. Đây là mức xếp loại tốt, X xác định đây là nhóm khách hàng mục tiêu, không ngừng tăng cường mở rộng để phát triển bền vững mối quan hệ giữa khách hàng và X với “Chính sách mở rộng, phát triển” nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng. Trong quá trình quan hệ tín dụng, Công ty TNHH MTV H do Đặng Nguyễn Bảo T làm Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty đã sử dụng nhiều tài sản bảo đảm khác nhau, trong đó có 05 xe ô tô nêu trên để vay vốn tại Ngân hàng. Giá trị định giá đến thời điểm hiện tại của 05 xe ô tô nêu trên là 7.119.000.000 đồng, số tiền vay khi thế chấp 05 xe ô tô là 4.945.000.000 đồng (bao gồm tín chấp bằng 05 xe ô tô là 1.470.000.000 đồng, thế chấp tài sản bằng xe ô tô là 3.475.000.000 đồng). Dư nợ hiện tại là 7.545.000.000 đồng, trong đó dư nợ đảm bảo bằng 05 xe ô tô là 4.945.000.000 đồng, dư nợ đảm bảo bằng bất động sản là 2.600.000.000 đồng.

Đặng Nguyễn Bảo T đã khai nhận sử dụng số tiền 4.945.000.000 đồng vay Ngân hàng B chi nhánh tỉnh Gia Lai nêu trên vào mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh gỗ bên Lào (không cung cấp được giấy tờ chứng minh) và một phần để trả tiền lãi vay Ngân hàng và các khoản lãi vay trước đó. Đến nay, Đặng Nguyễn Bảo T không có khả năng thanh toán các khoản lãi và nợ gốc cho Ngân hàng B chi nhánh tỉnh Gia Lai.

*** Vật chứng:**

Quá trình điều tra, thực hiện Lệnh khám xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai có thu giữ của Đặng Nguyễn Bảo T:

Tài sản:

- Số tiền 10.960.000 đồng (mười triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng) và 130 USD (một trăm ba mươi đô la Mỹ).

Đồ vật, tài liệu:

- 01 (một) Giấy đăng ký xe ô tô giả số 013965, Biển số đăng ký: 81A - 034.37 (bản gốc);

- 04 (bốn) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 008735, Biển số đăng ký: 81A - 054.22; số 004651, biển số đăng ký: 81A - 073.78; số 038010, biển số đăng ký: 81A - 118.36; số 016053, biển số đăng ký: 81A - 107.12 (Bản gốc);

- 01 (một) giấy 02 mặt, mặt trước là mẫu con dấu màu đỏ ghi “Trạm đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ số 29038 Mỹ Đình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác điểm đỗ xe Hà Nội”, mặt sau là mẫu tem của Cục

đăng kiểm Việt Nam số: KC - 1968479, có hiệu lực đến ngày 23/6/2017, cấp theo xe ô tô gắn biển kiểm soát 29A - 862.62 (bản gốc);

- Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số 0342361 (bản gốc);

- Giấy phép liên vận Việt - Lào số 41/2015, số đăng ký phương tiện 81A - 061.37 (bản gốc);

- Giấy phép liên vận Việt Nam – Lào - Campuchia số 1096/2015, số đăng ký phương tiện 81A - 073.38 (bản gốc);

- Giấy phép liên vận Việt Nam - Lào - Campuchia số 369/2015, số đăng ký phương tiện 52P - 3724 (bản gốc);

- 01 Sổ chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số: B0462315, biển đăng ký 52F - 5895 (bản gốc);

- 02 biển kiểm soát xe cùng số 52F - 5895 (trước và sau);

- Giấy phép liên vận Việt - Lào số 40/2015, số đăng ký phương tiện 81A - 042.28 (bản gốc);

- Cross-Border Transport VietNam - Lao số 40/2015, biển đăng ký 81A - 042.28 (bản gốc);

- Giấy phép đăng ký phương tiện đi lại, dịch ngày 02/02/2016 (bản dịch);

- 02 (hai) Biển số 2V - 4333, Phnom Penh, 10 - 2011.

***Về trách nhiệm dân sự:**

Ngân hàng Thương mại cổ phần B Việt Nam yêu cầu Đặng Nguyễn Bảo T phải hoàn trả số tiền đã gian dối chiếm đoạt là 4.945.000.000 đồng (bốn tỷ chín trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 58/CT-VKS-P3 ngày 28 tháng 9 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố Đặng Nguyễn Bảo T về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 của Bộ luật Hình sự và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự.

*** Tại bản án hình sự sơ thẩm số bản án hình sự sơ thẩm số 77/2017/HS-ST ngày 23/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:**

Tuyên bố bị cáo Đặng Nguyễn Bảo T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đặng Nguyễn Bảo T 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đặng Nguyễn Bảo T 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả giấy tờ tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 50 của Bộ luật hình sự;

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Đặng Nguyễn Bảo T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 24/3/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đặng Nguyễn Bảo T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyết định về phần án phí; quyền kháng cáo và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Đặng Nguyễn Bảo T có đơn kháng cáo, bị cáo cho rằng bản thân bị cáo không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” vì bị cáo không có ý định chiếm đoạt tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo bổ sung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị trình bày luận cứ bào chữa như sau:

Trong số tiền 4.945.000.000 đồng cấp sơ thẩm quy kết bị cáo chiếm đoạt có 1.400.000.000 đồng vay theo Hợp đồng tín chấp giữa Doanh nghiệp của bị cáo làm Giám đốc với Ngân hàng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đây không phải là khoản tiền nằm trong Hợp đồng thế chấp tài sản theo các hồ sơ xe ô tô đã làm giả, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định tang số chiếm đoạt đối với khoản tiền 1.400.000.000 đồng nêu trên là không đúng.

Về tình tiết giảm nhẹ bị cáo có 02 tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi xét xử sơ thẩm gia đình bị cáo đã khắc phục trả được 500.000.000 đồng cho Ngân hàng, đây là tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm, do vậy đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề đối với bị cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu như sau:

Về tố tụng: Tại giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo bổ sung của bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm. Áp dụng thêm điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (tức Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015) xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề, giảm cho bị cáo một phần hình phạt đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các chứng cứ tài liệu đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Xem xét kháng cáo cho rằng bị cáo không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và kháng cáo bổ sung xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

{1}. Xem xét hành vi “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức của bị cáo. thấy rằng: Do cần vốn để kinh doanh nhưng không có tài sản gì có giá trị thế chấp, cầm cố để vay tiền Ngân hàng nên bị cáo đã nảy sinh ý định làm giả một số giấy đăng ký xe ô tô. Bị cáo đã đặt cho một người có tên là VS (không rõ lai lịch) làm giả 06 giấy đăng ký và 06 cặp biển số xe với giá 24.000.000 đồng, sau đó bị cáo mượn xe ô tô phù hợp với những Giấy đăng ký và biển số xe để tra biển số vào và đi làm hồ sơ, thủ tục thế chấp vay tiền của Ngân hàng. Đối với các giấy chứng nhận bảo hiểm bị cáo cũng đã dùng thủ đoạn đến các Công ty bảo hiểm trên địa bàn tỉnh Gia Lai ký hợp đồng mua bảo hiểm xe ô tô, sau đó sao lại Giấy chứng nhận bảo hiểm rồi không thanh toán, các Công ty bảo hiểm huỷ hợp đồng bảo hiểm, nhưng còn bản sao thì bị cáo giữ lại nộp vào hồ sơ vay ngân hàng, mục đích của việc làm giả hồ sơ xe ô tô của bị cáo là để lừa dối các Ngân hàng để vay tiền. Với hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã xét xử bị cáo về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” theo điểm b khoản 2 Điều 267 BLHS với mức án 02 năm tù. Bị cáo không kháng cáo về tội danh này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

{2}. Xem xét tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2016 bị cáo Đặng Nguyễn Bảo T đã sử dụng các hồ sơ xe ô tô làm giả nêu trên để thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần B Việt Nam (viết tắt là X) chi nhánh tại Gia Lai và thông qua tín chấp để vay số tiền 4.945.000.000 đồng.

Việc gian dối của bị cáo T đã làm cho Ngân hàng tin rằng các hồ sơ xe đã thế chấp là thật để cho bị cáo vay tiền. Theo quy định của pháp luật, việc vay vốn với số tiền lớn như các Hợp đồng bị cáo đã vay là phải có tài sản đảm bảo. Nhưng do tài sản thế chấp là giả tạo nên các hợp đồng tín dụng này đã bị vô hiệu do có sự lừa dối, không có giá trị pháp lý. Thế nhưng thông qua các Hợp đồng thế chấp tài sản đó, bị cáo vẫn rút tiền từ Ngân hàng. Việc chiếm đoạt của bị cáo là kể từ thời điểm bị cáo rút tiền ra khỏi ngân hàng. Do vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội phạm “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Việc bị cáo cho rằng không có ý định chiếm đoạt tài sản nên không phạm tội là không có căn cứ, bởi lẽ mục đích của bị cáo có hành vi gian dối trong việc làm giả và sử dụng những giấy tờ đó để thế chấp cho Ngân hàng, nhưng lại không có tài sản thật sự để đảm bảo cho nguồn vay. Ngân hàng cũng không thể phát mãi tài sản là các xe ô tô để thu hồi nợ đối với các khoản đã vay. Mặt khác, trong các khoản vay số tiền 4.945.000.000 đồng thì bị cáo đã sử dụng để trả các khoản nợ, các khoản vay đều đã quá thời hạn cam kết, Doanh nghiệp của bị cáo đã mất khả năng thanh toán, như vậy bị cáo đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt các khoản tiền vay.

Tại phiên tòa phúc thẩm, theo luận cứ bào chữa của Luật sư và đại diện Ngân hàng cũng đã xác nhận trong các khoản vay của bị cáo có 1.400.000.000 đồng bị cáo vay tiền trên cơ sở quan hệ tín chấp, xét thấy, trong trường hợp thay đổi tang số thì số tiền chiếm đoạt còn lại là 3.745.000.000 đồng Với số tiền chiếm đoạt nói trên, đối chiếu với quy định tại Khoản 4 Điều 139 vẫn còn trên 500.000.000 đồng, vẫn phải áp dụng khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử đối với hành vi của bị cáo, không làm thay đổi tính chất vụ án.

{3}. Xem xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tuy tại phiên tòa phúc thẩm có một số tình tiết mới như tại giai đoạn chờ xét xử phúc thẩm, gia đình bị cáo đã bồi thường cho người bị hại 500.000.000 đồng, trong số tiền 4.945.000.000 đồng có 1.400.000.000 đồng vay trên cơ sở hồ sơ tín chấp của Doanh nghiệp, nhưng số tiền chiếm đoạt còn lại là 3.745.000.000 đồng, tang số chiếm đoạt của bị cáo vẫn còn rất cao, trên 500.000.000 đồng, việc khắc phục hậu quả bị cáo đã được xem xét áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy tại Bản án hình sự sơ thẩm đã áp dụng Điểm a Khoản 4 Điều 139; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng. Theo điều luật có chế tài của khung hình phạt là “ *Phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân*”. Bị cáo chỉ bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 12 năm tù về “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là ở mức khởi điểm, tương xứng với tính chất, hành vi và hậu quả phạm tội của bị cáo, mức án không nặng, vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo(bổ sung) về việc xin giảm hình phạt đối với bị cáo. Cần giữ nguyên về tội danh và hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Đặng Nguyễn Bảo T.

Từ các nhận định nêu trên, xét thấy tại Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2017/HS-ST ngày 23/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đối với số tiền 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*) gia đình bị cáo đã nộp sẽ được xem xét trừ lại trong giai đoạn thi hành án.

Bị cáo Đặng Nguyễn Bảo T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm: Quyết định về hình phạt đối với tội “Làm giả giấy tờ tài liệu của cơ quan, tổ chức”, xử lý vật chứng, trách nhiệm bồi thường, án phí sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điểm a Khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Nguyễn Bảo T về việc cho rằng hành vi của bị cáo không phạm tội “Lừa đảo, chiếm đoạt tài sản” và xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Giữ nguyên phần quyết định về tội danh và hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Đặng Nguyễn Bảo T.

Áp dụng Điểm a Khoản 4 Điều 139; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Đặng Nguyễn Bảo T 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đặng Nguyễn Bảo T 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả giấy tờ tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Đặng Nguyễn Bảo T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/3/2017.

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Đặng Nguyễn Bảo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Đặng Nguyễn Bảo T, Quyết định về hình phạt đối với tội “Làm giả giấy tờ tài liệu của cơ quan, tổ chức”, xử lý vật chứng, trách nhiệm bồi thường, án phí sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam CA tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Công Thi